

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD4 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101709 - V t l ấ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671030823	36CXD4	Tr n Ho ấ Tr ấ C ng	01/12/1994				5.0			5.0	1.5	4.3	3.0	4.5	
2	3671030804	36CXD4	L ng Ng c Chí	15/01/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
3	3671030761	36CXD4	Hu ấnh Thanh Ch ấc	10/01/1994				5.0			5.0	1.5	3.8	2.7	4.2	
4	3671030788	36CXD4	Nguy n C ấ ng Duy	08/05/1993				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP
5	3671030502	36CXD4	Nguy n Qu c Duy	07/10/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
6	3671030899	36CXD4	Lê Anh D ấ ấ	09/09/1994				6.0			6.0	1.8	3.8	2.7	4.5	
7	3671030766	36CXD4	Hu ấnh Tam Giang	27/08/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
8	3671030786	36CXD4	Lê Xu ấn Hi u	09/02/1992				6.0			6.0	1.8	4.3	3.0	4.8	
9	3671030798	36CXD4	Nguy n Th ầ i Hòa	17/02/1991				5.0			5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
10	3671030866	36CXD4	H ấ o ấ Qu c Huy	26/04/1994				7.0			7.0	2.1	2.8	2.0	4.1	
11	3671030895	36CXD4	Nguy n Quang Km Ki t	13/06/1994				6.0			6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
12	3671030846	36CXD4	Nguy n Vi t L c	24/09/1994				6.0			6.0	1.8	4.3	3.0	4.8	
13	3671030756	36CXD4	V ½ V ấ M n	06/10/1994				5.0			5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
14	3671031603	36CXD4	Tr ng Cao Minh	11/12/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
15	3671030887	36CXD4	Nguy n V ấ Nh Ngoan	17/04/1994				4.0			4.0	1.2	4.5	3.2	4.4	
16	3671030752	36CXD4	Phan Phong Nh ấ	05/09/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
17	3671030735	36CXD4	Nguy n V ấ Nh Ph ấ	10/08/1994				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
18	3671031870	36CXD4	Nguy n Thanh Phong	07/01/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
19	3671030879	36CXD4	Nguy n V ấ Nh Ph ng	20/01/1993				5.0			5.0	1.5	3.8	2.7	4.2	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh 1 a h c : L p h c : 36CXD4 N ấ n h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067101709 - V t l ấ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671030758	36CXD4	Th Quang	Rim	15/10/1993				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
21	3671030727	36CXD4	Huỳnh V ấ	Tâm	17/09/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
22	3671030875	36CXD4	L ² H u	Tâm	24/02/1994				6.0			6.0	1.8	4.3	3.0	4.8	
23	3671030802	36CXD4	Nguy n V ấ	Tiên	08/05/1993				7.0			7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	
24	3671030799	36CXD4	Nguy n Ph m Minh	Ti n	23/04/1994				7.0			7.0	2.1	3.3	2.3	4.4	
25	3671032050	36CXD4	Nguy n ấ c	Tính	29/07/1994				5.0			5.0	1.5	2.5	1.8	3.3	
26	3671030774	36CXD4	Nguy n ấ c	Toàn	07/08/1992				6.0			6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
27	3671030821	36CXD4	Ću D ng	Tu n	12/08/1994				5.0			5.0	1.5	4.3	3.0	4.5	
28	3671030876	36CXD4	Th p V ấ	Tuy n	20/03/1992				6.0			6.0	1.8	3.8	2.7	4.5	N HP
29	3671030734	36CXD4	ấ o ấ Thanh	Tú	16/01/1993				7.0			7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	
30	3671030772	36CXD4	Tr n V ấ	Thao	06/12/1993				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
31	3671030777	36CXD4	Nguy n Ch ng	Th ng	18/05/1993				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
32	3671030870	36CXD4	Tr n V ấ	Th nh	25/01/1994				5.0			5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	
33	3671030730	36CXD4	Nguy n Th	V ấ	04/03/1994				6.0			6.0	1.8	4.3	3.0	4.8	

T ng s : 33 h c sinh sinh vĩ²n
Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi ² o Vĩ²n B M ấ n Gi ² o V Khoa